

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2021
“V/v Ly hôn giữa ông Đ và bà N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và ông Phạm Đức Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, ông Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:

Ông Đ và bà N chung sống với nhau vào năm 2010 đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 17/8/2010.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, hôn nhân không có hạnh phúc. Vào tháng 4/2018 bà N bỏ đi theo người khác để lại hai người con chung cho ông Đ nuôi dưỡng từ đó đến nay. Ông Đ đã tìm mọi cách để liên lạc kêu bà N quay về chung sống nhưng bà N không đồng ý. Nay nhận thấy hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Đ xác định vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/12/2014 hiện các con đang sống chung với ông Đ. Ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Ông Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Huỳnh Thị Yến N mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ.

Ý kiến trình bày của các con chung: Cháu Nguyễn Hữu T có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Hữu T và cháu Nguyễn Đăng K (Bản chứng thực), giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản công chứng).

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Đ và bà N thường xảy ra cự cãi, hôn nhân không hạnh

phúc nên vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay các con chung ở với ông Đ có cuộc sống sinh hoạt và học tập và phát triển bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định. Đối với bị đơn vắng mặt căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị phần tố tụng.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho ông Đ ly hôn với bà N, đề nghị giao các con chung của vợ chồng cho ông Đ nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Ông Đ xin ly hôn với bà N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ và bà N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Qua lời trình bày của đương sự tại Tòa án và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương đều thể hiện: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông Đ và bà N đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xảy ra cự cãi, hôn nhân không có hạnh phúc. Bà N đã bỏ nhà ra đi từ tháng 4/2018 mặc dù ông Đ tìm cách liên lạc để vợ quay về chung sống nhưng bà N không đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà N vắng mặt không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng bà N tự ý bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2018 mặc dù chồng tìm kiếm nhưng cũng không quay về, cho đến nay vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N. Nhận thấy, ông Đ và bà N đã ly thân trong thời gian dài, mỗi người đều đã tạo dựng cho mình một cuộc sống riêng không còn tình cảm yêu thương và sự quan tâm tới nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thống nhất giải quyết cho ông Đ ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Đ và bà N có 02 người con chung. Từ khi cha mẹ ly thân các con chung đều sống với ông Đ. Xác minh từ chính quyền địa phương từ khi ông bà ly thân các con chung ở với ông Đ có cuộc sống sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với cha. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao các con chung của vợ chồng cho ông Đ nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế để tránh làm xáo trộn đến cuộc sống sinh hoạt và học tập của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tổ tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Đ là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Yến N.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/12/2014 cho ông Nguyễn Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Yến N ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Đ được giao nuôi dưỡng con chung nhưng tự nguyện không yêu cầu bà Huỳnh Thị Yến N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị Yến N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004520 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Đông Thái;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm